TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN VĂN THỜI** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2024/HS-ST
Ngày 08 tháng 4 năm 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lâm Thành Quang**

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông **Huỳnh Văn Tới**

2/ Ông **Huỳnh Văn Năm**

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông **Huỳnh Hiếu Nghĩa** - Là Thư ký viên, Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

- *Đại diện* ***Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời****, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa:* Ông **Trương Chí Hải** - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 04/2024/TLST-HS ngày 19 tháng 01 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2024/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 01 năm 2024, đối với:

- *Bị cáo thứ 01:* **Phạm Thị Kim P**, sinh ngày 16/7/1980 tại Kiên Giang.

Nơi thường trú: Ấp K, xã V, huyện A, tỉnh Kiên Giang, chỗ ở hiện tại: Khóm A, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: Lớp 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phạm Văn C; mẹ: Trần Thị T; chồng: Trương Việt P1, con: 06 người (lớn nhất sinh năm 2000, nhỏ nhất sinh năm 2023).

Tiền sự: 01.

Bị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn S, huyện T, ban hành Quyết định số 06/QĐ-XPTT ngày 30/9/2022, áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn, với thời hạn 04 tháng về hành vi "Sử dụng trái phép chất ma tuý", đã chấp hành xong theo Quyết định số: 06/QĐ-XPTT ngày 30/01/2023, bị cáo chưa được xoá về tiền sự.

Tiền án: 02.

Bị, Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử như sau:

- Xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý" và 06 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma tuý".

Tổng hợp hình phạt chấp hành chung là 04 năm tù theo Bản án hình sự số: 63/2022/HS-ST ngày 29/9/2022.

Được hoãn chấp hành án phạt tù theo Quyết định số 05/2022/THAHS-QĐ ngày 22/11/2022, thời hạn hoãn 01 năm kể ngày 22/11/2022.

- Xử phạt 02 năm tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma tuý".

Tổng hợp hình phạt 04 năm tù theo Bản án hình sự số: 63/2022/HS-ST ngày 29/9/2022, chấp hành chung là 06 năm tù theo Bản án hình sự số: 93/2023/HS-ST ngày 09/11/2023.

Bị cáo đã chấp hành án tại Trại giam C1 ngày 05/02/2024 theo Quyết định thi hành án phạt tù số 152/2023/QĐ-TA ngày 18/12/2023.

Bị cáo có mặt tại phiên toà.

- *Người bào chữa*: Bà **Nguyễn Thị T1** (Có mặt) – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh C.

- *Bị cáo thứ 02:* **Lâm Vũ T2**, sinh ngày 26/11/2002, tại Cà Mau.

Nơi thường trú: Khóm G, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cà Mau; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không, trình độ học vấn: 7/12; nghề nghiệp: Làm biển; cha: Lâm Văn T3, mẹ: Nguyễn Thị T4; vợ, con: Chưa có; tiền án: Không; tiền sự: Không.

Bị tạm giữ từ ngày 11/8/2023 đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên toà.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ ngày 11/8/2023, P nảy sinh ý định mua ma tuý về sử dụng, nên P điện thoại cho người tên T5 đặt mua 2.000.000 đồng tiền ma tuý đá.

Tính hẹn Pha khi nào có ma tuý T5 liên hệ cho P hay.

Khoảng 20 giờ cùng ngày, P gọi cho T5 thì T5 kêu P đến cầu R (xã P) để nhận ma tuý.

Pha kêu T2 điều khiển xe chở P đến điểm hẹn để gặp người tên T5; T5 đưa cho P bịch ma tuý đá bên ngoài có quấn giấy vệ sinh màu trắng và băng keo màu đen được bỏ trong bịch nilon, P đưa trả cho T5 2.000.000 đồng.

Sau đó, P và T2 điều khiển xe về bến phà thuộc Khóm E, thị trấn S, huyện T, P lấy bịch ma tuý cất giấu bên trong quần lót đăng mặc, còn giấy vệ sinh và băng keo P cầm tay. Khi đến bến phà thuộc Khóm G, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau thì bị Công an thị trấn S kiểm tra phát hiện bắt quả tang, thu giữ cùng tang vật.

Tại Kết luận giám định số 399/KL-KTHS ngày 18/8/2023 của Phòng K Công an tỉnh C kết luận:

Tinh thể màu trắng bên trong bọc nilon màu trắng có viền màu đỏ được bóp kín miệng, niêm phong trong phong bì thư hình chữ nhật gửi giám định là ma tuý, có khối lượng 5,6173 gam, loại Methamphetamine.

(Methamphetamine là chất ma tuý nằm trong danh mục IIC, STT 247, Nghị định số 57/2022/NĐ-CP ngày 25/08/2022 của Chính phủ).

Tang vật chưa được xử lý:

5,0902 gam Methamphetamine hoàn lại sau khi trích giám định; 01 cuộn giấy màu trắng (dạng giấy vệ sinh); 01 đoạn băng keo nhựa màu đen, chiều dài 12cm, chiều rộng 1,5cm; 01 xe mô tô hiệu Future, biển kiểm soát 69K2-5968 màu đen; 01 điện thoại di động hiệu Messtel bàn phím màu đen, sim số 0945.293.641 - 0825.816.130.

Tại Cáo trạng số: 07/CT-VKS ngày 17/01/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau truy tố các bị cáo về tội "Tàng trữ trái phép chất ma tuý" theo điểm g khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên Cáo trạng số: 07/CT-VKS ngày 17/01/2024 và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma tuý".

Về hình phạt:

Bị cáo P: Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 249; điểm s, n khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 56 của Bộ luật Hình sự, phạt bị cáo từ 5 đến 6 năm tù.

Tổng hợp hình phạt của Bản án hình sự số: 93/2023/HS-ST ngày 09/11/2023 của Toà án nhân dân huyện huyện Trần Văn T6, bị cáo phải chấp hành hình phạt chung từ 11 đến 12 năm tù.

Bị cáo T2: Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 54 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự, phạt bị cáo từ 3 đến 4 năm tù.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ các điều 47, 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy 5,0902 gam Methamphetamine hoàn lại sau khi trích giám định, không lưu; 01 cuộn giấy màu trắng (dạng giấy vệ sinh); 01 đoạn băng keo nhựa màu đen, chiều dài 12cm, chiều rộng 1,5cm.

Trả lại cho bị cáo P 01 xe mô tô hiệu Future, biển kiểm soát 69K2-5968 màu đen.

Trả lại cho bị cáo T2 01 sim số 0825.816.130.

Sung vào công quỹ nhà nước của bị cáo T2 01 điện thoại di động hiệu Messtel bàn phím màu đen, sim số 0945.293.641.

Người bào chữa cho bị cáo P tranh luận:

Thống nhất với bày luận tội của Viện kiểm sát.

Tuy nhiên, cần xem xét thêm các tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, để giảm bớt một phần hình phạt cho bị cáo, như bị cáo thuộc hộ cận nghèo, 06 người con của bị cáo còn nhỏ.

Các bị cáo P, T2 không tham gia tranh luận bày luận tội của Viện kiểm sát, chỉ yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tố tụng:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không ai có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi:

[2.1] Về tội danh:

Xét, khi P đặt mua xong ma tuý để sử dụng, P nhờ T2 chở P đến điểm hẹn để nhận ma tuý, thì T2 đồng ý.

Nên đến khoảng 20 giờ ngày 11/8/2023, T2 điều khiển xe mô tô chở P đến điểm hẹn và để P lấy ma tuý. Khi, T2 và P điều khiển xe đến bến phà thuộc Khóm G, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau thì bị Công an thị trấn S, huyện T kiểm tra phát hiện bắt quả tang, thu giữ cùng tang vật.

Như vậy, thời điểm P mượn điện thoại của T2 để điện thoại cho đối tượng tên T5 đặt mua ma tuý, thì T2 đứng gần P và nghe rõ cuộc nói chuyện giữa P và đối tượng tên T5, nhưng T2 lại không phản đối. Đồng thời, T2 đồng ý chở P, là biết P đi mua ma tuý, T2 có nhiều lần sử dụng ma tuý cùng với P và P có hứa hẹn với T2 là cho tiền và cho mượn xe đi chơi.

Tại phiên toà, các bị cáo thừa nhận diễn biến vụ việc đã nêu tại Cáo trạng số: 07/CT-VKS ngày 17/01/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau, là đúng.

Lời thừa nhận của các bị cáo tại phiên toà là phù hợp với lời khai của các bị cáo ở giai đoạn điều tra, phù hợp với Biên bản bắt người phạm tội quả tang do Công an thị trấn S, huyện T lập lúc 21 giờ 30 phút ngày 11/8/2023, Bản kết luận giám định số: 399/KL-KTHS ngày 18/8/2023 của Phòng K Công an tỉnh C (có khối lượng 5,6173 gam, loại Methamphetamine) và các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án.

Do đó, có đủ căn cứ để xác định hành vi của bị cáo P và T2 đã phạm vào tội "Tàng trữ trái phép chất ma tuý", tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm g (…, Methamphetamine có khối lượng từ 05 gam đến dưới 30 gam) khoản 2 Điều 249 của Bộ luật Hình sựNhư vậy, Cáo trạng số: 07/CT-VKS ngày 17/01/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau đã truy tố và lời buộc tội của Viện kiểm sát đối với các bị cáo P và T2 là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[2.2] Về áp dụng hình phạt:

Hành vi tàng trữ trái phép chất ma tuý của bị cáo P và T2, là hành vi nguy hiểm cho xã hội, thuộc trường hợp nghiêm trọng, đã xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý các chất ma tuý của Nhà nước. Đồng thời, hành vi của các bị cáo còn làm ảnh hưởng lớn đến công tác đấu tranh phòng, chống tệ nạn ma túy mà Nhà nước, xã hội đang ra sức thực hiện. Nhưng các bị cáo bất chấp pháp luật để thực hiện tội phạm là tàng trữ trái phép chất ma tuý, mà Nhà nước đã nghiêm cấm, đây là lỗi cố ý trực tiếp.

Bị cáo P có 01 tiền sự và 02 tiền án (chưa chấp hành án, do được tạm hoãn đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi), nhưng trong thời gian này bị cáo không biết sửa đổi, lại lợi dụng sự khoan hồng của pháp luật, bị cáo tiếp tục phạm tội đều liên quan đến ma tuý, nên lần phạm tội này cần phải xử nghiêm bị cáo.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Bị cáo P phải gánh chịu tình tiết tăng nặng quy định tại điểm h (tái phạm nguy hiểm) khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo P và T2 được áp dụng tình tiết giảm nhẹ tại điểm s (thành khẩn khai báo) khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Riêng, bị cáo P được áp dụng thêm tình tiết tại điểm n (người phạm tội là phụ nữ có thai) khoản 1 và khoản 2 (bị cáo có ông ngoại Trần Văn H là Liệt sỹ, bị cáo thuộc hộ cận nghèo) Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Đối với bị cáo T2, đồng phạm với bị cáo P với vai trò giúp sức không đáng kể, nên cần áp dụng khoản 2 Điều 54 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự, để áp dụng hình phạt dưới khung của điều luật cho bi cáo thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

Xét, mức hình phạt mà Viện kiểm sát đề nghị đối với các bị cáo là phù hợp, nên cần được chấp nhận, là áp dụng hình phạt tù cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, để cải tạo giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

[2.3] Về vật chứng:

Số ma tuý là Methamphetamine, sau khi trích giám định hoàn lại trọng lượng 5,0902 gam là vật phạm pháp, cấm lưu hành nên cần tịch thu tiêu huỷ.

Đối với: 01 cuộn giấy màu trắng, 01 đoạn băng keo nhựa màu đen, không có giá trị sử dụng, cần tịch thu tiêu huỷ.

Đối với điện thoại hiệu Messtel, có gắn sim số 0945.293.641 của bị cáo T2, là khi cho P mượn là bị cáo biết rõ P dùng để liên lạc mua tuý nhưng bị cáo vẫn đồng thuận và liên quan đến việc phạm tội nên cần tịch thu sung vào công quỹ nhà nước, sim số còn lại 0825.816.130 không liên quan đến việc phạm tội của các bị cáo giao trả cho bị cáo T2.

Đối với xe mô tô hiệu Future, biển kiểm soát 69K2-5968 là của bị cáo P.

Đây là phượng tiện dùng để đi lại của bị cáo, nên xét thấy cần giao trả cho bị cáo P là phù hợp.

[2.4] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại Khoản 5 Điều 249 của Bộ luật Hình sự, các bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền.

Tuy nhiên, theo các tài liệu chứng cứ và lời khai của các bị cáo, cho thấy các bị cáo không có công việc ổn định, nếu áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo thì gây khó khăn để thi hành án.

Vì vậy, không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[2.5] Các vấn đề khác có liên quan:

Đối với đối tượng tên T5, Nguyễn Thị N: Quá trình điều tra chưa xác định được nhân thân lai lịch, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra tách ra, tiếp tục xác minh, nếu có căn cứ xử lý sau là phù hợp.

Đối với đối tượng Trần Văn T7, Nguyễn Thị Ô: Quá trình điều tra đã chứng minh không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không đề cập xử lý sau là có cơ sở.

[3] Về án phí:

Các bị cáo P và T2 đã bị kết án, nên cần buộc mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm số tiền 200.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Căn cứ:

- Các điều 17, 38; điểm g khoản 2 Điều 249; điểm s, n khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Phạm Thị Kim P **05** (năm) năm tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma tuý".

Tổng hợp hình phạt của Bản án hình sự số: 93/2023/HS-ST ngày 09/11/2023 của Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau, mức án 06 năm tù, bị cáo đã chấp hành án ngày 05/02/2024.

Bị cáo Phạm Thị Kim P phải chấp hành hình phạt chung là **11** (mười một) năm tù. Thời hạn tù của bị cáo được tính kể từ ngày 05/02/2024.

- Các điều 17, 38; điểm g khoản 2 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 54 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lâm Vũ T2 **03** (ba) năm tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma tuý". Thời hạn tù của bị cáo được tính kể từ ngày 11/8/2023.

2/ Về vật chứng: Căn cứ các điều 47, 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy: 5,0902 gam Methamphetamine hoàn lại sau khi trích giám định, không lưu; 01 cuộn giấy màu trắng (dạng giấy vệ sinh); 01 đoạn băng keo nhựa màu đen, chiều dài 12cm, chiều rộng 1,5cm.

Trả lại cho bị cáo Phạm Thị Kim P: 01 xe mô tô hiệu Future, biển kiểm soát 69K2-5968 màu đen.

Trả lại cho bị cáoLâm Vũ Tình: 01 sim số 0825.816.130.

Sung vào công quỹ nhà nước của bị cáo Lâm Vũ T2: 01 điện thoại di động hiệu Messtel bàn phím màu đen, sim số 0945.293.641.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T, tỉnh Cà Mau và Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau ngày 18/01/2024).

3/ Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Phạm Thị Kim P phải nộp án phí hình sự sơ thẩm số tiền 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng).

Buộc bị cáo Lâm Vũ T2 phải nộp án phí hình sự sơ thẩm số tiền 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng).

4/ Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Các bị cáo Phạm Thị Kim P và Lâm Vũ T2 được quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau (1b);
- VKSND huyện Trần Văn Thời (1b);
- CAND huyện Trần Văn Thời (1b);
- THADS huyện Trần Văn Thời (1b);
- Người tham gia tố tụng (2b);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lâm Thành Quang